TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2023/DS-ST
Ngày: 23-8-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Hiệp

Bà Bùi Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 362/2022/TLST-DS, ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 5 năm 2023, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 17/2023/QĐT-DS ngày 16/6/2023. Thông báo tiếp tục phiên tòa số 1286/2023/TB-TA ngày 24 tháng 7 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 81/2023/QĐST-DS ngày 08/8/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị V, sinh năm 1967

Nơi cư trú: ấp Mỹ Đức, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm 1997 nơi cư trú ấp AV, xã ĐPH, huyện MC, tỉnh Bến Tre (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn*: Bà Đặng Thị N (Đặng Thị C), sinh năm 1973 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 7/2 ấp P, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng quá trình tố tụng có trình bày:*

Ngày 01/5/2022 bà Phan Thị V có cho bà Đặng Thị N (Đặng Thị C) vay số tiền 102.000.000 đồng để mua bán, bà N nhận tiền và ghi biên bản nhận nợ, thỏa thuận thời hạn thanh toán là 10 ngày, lãi suất 1%/tháng (10 ngày bà N phải trả lãi

là 340.000 đồng). Tuy nhiên, kể từ khi nhận tiền cho đến nay rất nhiều lần bà V yêu cầu bà N trả nợ nhưng bà N chỉ hứa nhưng không thực hiện theo thỏa thuận.

Nay bà Phan Thị V Vảnh khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đặng Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị V tiền gốc 102.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Nguyên đơn rút lại phần yêu cầu lãi suất chậm trả do vi phạm nghĩa vụ tạm tính từ ngày 12/5/2022 đến ngày 12/01/2023 là 08 tháng với lãi suất 1%/tháng với số tiền lãi là 8.160.000 đồng.

** Bà Đặng Thị N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình tố tụng bị đơn có bản khai với nội dụng:*

Bà có cộng lại số tiền mà bà còn thiếu bà Phạm Thị Vảnh khoảng hơn 60.000.000 đồng, bà có ký tên trong biên nhận nợ do bà V giữ giấy biên nhận, bà V hứa không lấy lãi. Trong thời gian làm giấy biên nhận hàng tuần bà V lấy 200.000 đồng trừ vào số tiền gốc vay ban đầu, kể từ thời điểm ký biên nhận bà đã trả dần cho bà V hơn 20.000.000 đồng nhưng bà không nhớ rõ cụ thể mốc thời gian và số tiền trả từng lần cho bà V. Các lần bà trả tiền cho bà V, thì được bà V ghi nhận thời gian và số tiền trả cụ thể trong sổ của bà V, bà không có giữ sổ không biết thời gian và số tiền đã trả.

Nay bà Phan Thị V khởi kiện bà và yêu cầu trả số tiền 102.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả, kèm theo đơn khởi kiện bà V nộp cho Tòa án "Biên nhận" đề ngày 01/5/2022 thì bà không đồng ý, vì bà không có ký tên vào biên nhận đề ngày 01/5/2022 do bà V cung cấp. Bà sẽ yêu cầu Tòa án giám định chữ ký của bà trong "Biên nhận" đề ngày 01/5/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của và Phan Thị V vụ án có quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" bị đơn bà Đặng Thị N (Đặng Thị C) có nơi cư trú tại huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Đặng Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng có mặt không rõ lý do. Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng S có đơn đền nghị xét xử vắng mặt. Tòa án xử xét xử vắng mặt bà Đặng Thị N và chị Nguyễn Thị Hồng S là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong vụ án này, quá trình tố tụng Tòa án không có tiến hành thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không phải là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở; không có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực

hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình tố tụng bà Đặng Thị N có bản khai thừa nhận có vay tiền và số tiền còn thiếu bà Phạm Thị Vảnh khoảng hơn 60.000.000 đồng, có ký tên trong biên nhận nợ do bà V giữ giấy biên nhận nên đây là vấn đề không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Đặng Thị N cho rằng, trong thời gian làm giấy biên nhận bà có trả cho bà V hơn 20.000.000 đồng nhưng bà không nhớ rõ cụ thể mốc thời gian và số tiền trả từng lần cho bà V nhưng bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh và nguyên đơn không thừa nhận nên lời trình bày của bà Đặng Thị N là không có căn cứ. Xét bà Đặng Thị N không thừa nhận có thiếu bà Phan Thị V số tiền 102.000.000 đồng và cho rằng chữ ký Đặng Thị N trong "Biên nhận" ngày 01/5/20222 không phải là chữ ký của bà và yêu cầu giám định chữ ký. Tòa án đã ra thông báo nộp tiền chi phí tố tụng số 932/TB-TA ngày 16/6/2023 ấn định thời gian và số tiền phải nộp để thực hiện giám định theo yêu cầu, nhưng bà Đặng Thị N không nộp chi phí tố tụng theo quy định, nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và những đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án được quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Khi khởi kiện nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án "Biên nhận" đề ngày 01/5/2022 có nội dung "Tại nhà của bà Đặng Thị N, sinh năm 1973 ĐKTT: ấp Phủ, xã Tân Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; CMND: 321491772 có mượn của bà Phan Thị V số tiền 102.000.000 đồng" trong biên nhận có chữ ký của người cho mượn tiền là bà Phan Thị V và chữ ký của ngườ mượn tiền bà Đặng Thị Nga. Xét việc thỏa thuận vay tiền giữa bà Đặng Thị N với bà Phan Thị V không được lập thành văn bản, nhưng có biên nhận thỏa thuận vay tiền được hai bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật nên hợp pháp. Do bà Đặng Thị N (Đặng Thị C) vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Xét nguyên đơn bà Phan Thị V yêu cầu tính lãi chậm trả do vi phạm nghĩa vụ tạm tính từ ngày 12/5/2022 đến ngày 12/01/2023 là 08 tháng với lãi suất 1%/tháng với số tiền lãi là 8.160.000 đồng và chịu lãi suất đến khi giải quyết xong vụ án là không đúng quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019, của Hội đồng Thẩm phán toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Quá trình tố tụng đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu lãi suất chậm trả, xét việc rút một phần yêu cầu lãi suất là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại các Điều 217, 218 và 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn thay đổi yêu cầu lãi suất chậm trả của số tiền vay là 102.000.000 đồng tính từ Tòa án thụ lý là ngày 14/12/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng. Xét thấy, theo đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 11/11/2022 nên được tính tròn từ ngày phát sinh tranh chấp ngày 23/11/2022

đến ngày giải quyết vụ án 23/8/2023 tính tròn là 09 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng, số tiền lãi là (102.000.000 đồng x 0,83% x 09 tháng) là 7.619.400 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận, đình chỉ đối với phần tiền lãi nguyên đơn đã rút yêu cầu. Do bà Đặng Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Đặng Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị V tổng số tiền 109.619.400 đồng (trong đó 102.000.000 đồng tiền gốc và 7.619.400 đồng tiền lãi) là đúng quy định của pháp luật.

[6] Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn nguyên đơn được chấp nhận, nên bà Đặng Thị N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 147, 273, khoản 2 Điều 244, 217, 227, 228, 238 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 429, 463, 465, 466, 357, 468 và 157 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị V

Buộc bà Đặng Thị N (Đặng Thị C) có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị V số tiền vay là 109.619.400 đồng (Một trăm lẽ chín triệu, sáu trăm mười chín ngàn bốn trăm đồng)*[trong đó 102.000.000 đồng tiền gốc và 7.619.400 đồng tiền lãi]*

2. Đình chỉ phần yêu cầu của nguyên đơn về việc rút yêu cầu lãi suất chậm trả với số tiền 8.160.000 đồng tạm tính từ ngày 12/5/2022 đến ngày 12/01/2023.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Đặng Thị N (Đặng Thị C) phải có nghĩa vụ chịu 5.480.970 đồng (Năm triệu, bốn trăm tám mươi ngàn chín trăm bảy mươi đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 2.703.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm lẽ ba ngàn đồng) cho bà Phan Thị V theo biên lai thu số 0000937 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đặng Văn Phương